

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 210/2019/HC-PT

Ngày: 29/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTX;

Các Thẩm phán: Ông NVS;

Ông NHC.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà ĐTH, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông LSL, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 58/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6181/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Trú tại: Thôn Chu Xá, xã Kiêu Ky, huyện G, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T1 - Phó chủ tịch UBND huyện G (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện G: Ông Nguyễn Đình B - Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện G (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Kiêu Ky, huyện G, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn G1 - Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đắc Q - phó chủ tịch UBND xã Kiêu Ky (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Vũ Văn T2 (Chồng bà Nguyễn Thị T)

Trú tại: Thôn Chu Xá, xã Kiêu Ky, huyện G, thành phố H

Ông Thảo ủy quyền cho bà T

3. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và sản xuất cặp túi H

Địa chỉ: Thôn Hoàng Xá, xã Kiêu Ky, huyện G, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người khởi kiện thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 30/12/2014, Ủy ban nhân dân xã Kiêu Ky ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND (Gọi tắt là Quyết định 150) về việc cưỡng chế phá dỡ công trình do bà Nguyễn Thị T làm chủ đầu tư do vi phạm trật tự xây dựng tại thôn Chu Xá, xã Kiêu Ky, huyện G, thành phố H (Cố tình xây dựng công trình trái phép trên đất vườn Quả B. Hiện trạng: Đổ đất cát san lấp, xây quây móng bằng gạch chỉ đỏ cao 0,9m so với nền vườn, quây bờ rào bằng tôn cao 1,6m, dựng chuồng gà bằng tre, gỗ, sắt, mái lợp tôn. Diện tích xây dựng 34,8m²...).

Bà T khiếu nại đề nghị hủy bỏ Quyết định 150 nói trên.

Ngày 02/8/2014 UBND xã Kiêu Ky ban hành Quyết định 113/QĐ-UBND (Gọi tắt là Quyết định 113) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; Kết luận việc cưỡng chế là đúng, giữ nguyên toàn bộ Quyết định 150.

Bà T tiếp tục khiếu nại nên ngày 11/10/2016 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 8699/QĐ-CT (Gọi tắt là Quyết định 8699) về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung thống nhất với Quyết định 113/QĐ-UBND ngày 02/8/2014 của UBND xã Kiêu Ky.

Nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất liên quan đến quyết định bị khởi kiện:

Ngày 15/6/1995, mẹ đẻ bà T là bà Phạm Thị Ng có mua của ông Vũ H* thửa đất (Trong giấy chuyển nhượng ghi 100m² đất chính và 75m² đất khai hoang), hai bên viết giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền. Năm 2001, hai bên hợp thức hóa việc chuyển quyền sử dụng đất ở có chứng nhận của UBND xã Kiêu Ky, đơn đề nghị chuyển quyền sử dụng đất ở ghi chuyển nhượng 100m² đất ở.

Sau đó, gia đình bà T tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất diện tích 175m² (khu đất 75m² xây lán chăn nuôi). Đến năm 2003, bà T mua của gia đình phía sau khoảng 10m² đất có giấy tờ viết tay, nhưng hiện nay đã thất lạc. Gia đình bà tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất không có tranh chấp gì.

Năm 2011, gia đình bà phá dỡ lán chăn nuôi để xây nhà, để lại khoảng 30m² để làm vườn; khi xây đến tầng hai thì Ủy ban nhân dân xã có đến lập biên bản và ra quyết định xử phạt hành chính do xây dựng trên đất công nhưng khi bà đưa sơ đồ sử dụng đất do UBND xã Kiêu Ky cấp năm 1996 thì Ủy ban xã dừng không cưỡng chế.

Ngày 23/12/2014, UBND xã Kiêu Ky lập biên bản vi phạm hành chính đối với gia đình bà về việc dựng hàng rào không phép. Ngày 05/01/2015 bà nhận được quyết định cưỡng chế. Chiều ngày 06/01/2018 bà nhận được thông báo cưỡng chế vào 08h30' ngày 08/01/2015. Bà đã có ý kiến với xã hôm đó là ngày đại lễ con bà nên bà sẽ không hợp tác. Tuy nhiên, UBND xã Kiêu Ky vẫn tiến hành tổ chức cưỡng chế, gây thiệt hại tài sản đối với gia đình bà. Không đồng ý với việc cưỡng chế, bà đã khiếu nại và ngày 09/10/2017 bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 8699/QĐ-CT ngày 11/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện G và yêu cầu bồi thường thiệt hại do cưỡng chế và thu giữ tài sản.

Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi của Chủ tịch UBND huyện G thống nhất trình bày:

1. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Ông Vũ H*, bà Phạm Thị Tih chuyển quyền sử dụng đất ở có diện tích là 100m² cho bà Phạm Thị Ng (bà Ng là mẹ đẻ bà T), việc chuyển nhượng đất có xác nhận của UBND xã Kiêu Ky ngày 15/2/2002.

Theo báo cáo của UBND xã Kiêu Ky, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần lấn chiếm đất công: Thời điểm năm 2011, diện tích lấn chiếm là 67m²; ngày 24/01/2014, diện tích 14m², phía sau công trình vi phạm lần 1 năm 2011 ra đất vườn quả B; ngày 02/8/2014, diện tích 21,6m² tại vị trí vi phạm đã bị lập biên bản ngày 24/01/2014; ngày 23/12/2014, diện tích 34,8m² (Phía đông tiếp giáp phần đất xây nhà vi phạm năm 2011; Phía tây giáp vườn quả B do UBND xã quản lý; Phía nam giáp 1 phần đất sau nhà ông K và đất vườn quả B; Phía bắc giáp 1 phần đất sau nhà bà Bm và đất vườn quả B).

- Theo Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, diện tích nhà bà T sử dụng thể hiện tại thửa số 85, tờ bản đồ số 56, diện tích 139m². Có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nhà bà Bm; phía nam giáp nhà ông K; phía đông giáp đường 179; phía tây giáp vườn quả B do UBND xã quản lý.

- Hiện trạng gia đình bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích 224,9m² (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 13/11/2015), trong đó có 50m² thuộc quy hoạch mở rộng đường 179. Gia đình bà T đang làm thủ tục xin đăng ký đất đai lần đầu.

2. Quá trình lập hồ sơ xử lý vi phạm trật tự xây dựng của gia đình bà Nguyễn Thị T:

- Năm 2011 bà Nguyễn Thị T xây dựng công trình lấn chiếm đất công, diện tích sàn công trình vi phạm là 61,88m² UBND xã Kiêu Ky lập hồ sơ xử lý vi phạm, Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky đã ban hành Quyết định số 64/QĐ-XPHC ngày 13/5/2011 xử phạt hành chính với mức tiền 1.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra là khôi phục hiện trạng ban đầu. Tuy nhiên chưa xử lý cưỡng chế công trình xây dựng vi phạm.

- Ngày 24/01/2014, Tổ Thanh tra xây dựng địa bàn xã Kiêu Ky (Đội thanh tra xây dựng Huyện) và UBND xã Kiêu Ky lập biên bản ngừng thi công đối với công

trình xây dựng vi phạm của gia đình bà T tại vị trí giáp công trình vi phạm đã lập hồ sơ xử lý năm 2011. Thời điểm này gia đình bà T đã đổ đất san lấp, xếp gạch quây móng bằng gạch chỉ đỏ trên diện tích 14m². Sau khi tổ công tác xác minh diện tích đất trên hoàn toàn là đất công và đã lập biên bản gia đình bà T ngừng thi công xây dựng.

- Ngày 02/8/2014, Tổ Thanh tra xây dựng địa bàn xã Kiêu Kỵ (Đội thanh tra xây dựng Huyện) và UBND xã Kiêu Kỵ lập biên bản ngừng thi công công trình vi phạm đối với bà Nguyễn Thị T về hành vi vi phạm là dựng lán nuôi gà, bằng cốt pha trên diện tích 21,6m² (2,4m x 9,0m) tại vị trí vi phạm đã bị lập biên bản ngày 24/01/2014. Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 02/8/2014 về việc đình chỉ thi công công trình xây dựng vi phạm. Bà Nguyễn Thị T không nhận Quyết định đình chỉ, chỉ ký trong Biên bản vi phạm. UBND xã đã tháo dỡ công trình ngay khi phát hiện gia đình đang dựng lán (Có biên bản tháo dỡ lập ngày 02/8/2014). Gia đình bà T đã tạm ngừng việc dựng lán nuôi gà.

- Ngày 22/12/2014, UBND xã Kiêu Kỵ ban hành và gửi Thông báo 328/TB-UBND về việc tháo dỡ lán trại chăn nuôi trả lại mặt bằng thực hiện xây dựng sân thể thao thôn Chu Xá cho gia đình bà T.

- Ngày 23/12/2014, Tổ Thanh tra xây dựng địa bàn xã Kiêu Kỵ (Đội thanh tra xây dựng Huyện), UBND xã Kiêu Kỵ đã lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm đối với chủ đầu tư là bà Nguyễn Thị T, công trình xây dựng vi phạm là lán bằng tôn, chưa lợp mái, diện tích 34,8m².

- Ngày 30/12/2014, Chủ tịch UBND xã Kiêu Kỵ ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND về việc cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà Nguyễn Thị T.

Đến ngày 05/01/2015, mặc dù đã nhận được quyết định cưỡng chế do UBND xã giao nhưng gia đình bà T vẫn cố tình đổ nền bằng xi măng và dùng bạt để lợp mái trên diện tích đất đã dựng lán tôn 34,8m². Tổ Thanh tra xây dựng địa bàn xã Kiêu Kỵ (Đội thanh tra xây dựng Huyện) phối hợp với UBND xã Kiêu Kỵ đã lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tháo dỡ công trình vi phạm.

- Ngày 06/01/2015, UBND xã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng theo Quyết định số

150/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 về việc cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà Nguyễn Thị T.

- Ngày 06 tháng 01 năm 2015, Thanh tra xây dựng xã bàn giao Thông báo số 01/TB-UBND ngày 06/01/2016 của UBND xã Kiêu Ky về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Thời gian cưỡng chế là 8 giờ 30 phút ngày 08/01/2015.

- Ngày 08/01/2015, UBND xã Kiêu Ky tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà Nguyễn Thị T căn cứ theo Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 06/01/2015. Gia đình bà T có mặt ở nhà nhưng không phối hợp với tổ công tác liên ngành để thực hiện việc tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Trong quá trình thực hiện cưỡng chế do gia đình không phối hợp nên UBND xã đã lập biên bản, mời quân dân chính thôn Chu Xá chứng kiến, tạm thu giữ một số đồ dùng đã cũ và phế liệu đồ giả da bà T chứa trong lán gây cản trở việc tiến hành tháo dỡ về UBND xã Kiêu Ky quản lý. Biên bản cưỡng chế đã được thông qua trước Tổ công tác, lãnh đạo và nhân dân thôn Chu Xá, mời người làm chứng ký nhận. Gia đình bà T không phối hợp.

Chiều ngày 08/01/2015, UBND xã Kiêu Ky có Thông báo số 08/TB-UBND về việc xử lý tang vật tạm giữ khi thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Thông báo gửi cho gia đình bà T nhưng gia đình không nhận, UBND xã đã giao Thông báo cho Ông Đinh Văn Ci trưởng thôn Chu Xá để thông báo trên loa truyền thanh.

Hành vi xây dựng công trình trên đất công của gia đình bà T vi phạm Luật xây dựng năm 2003; Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 180/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị. UBND xã Kiêu Ky đã nhiều lần lập hồ sơ xử lý nhưng gia đình bà T không chấp hành vẫn cố tình vi phạm nhiều lần. Việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G khẳng định các Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 02/8/2016; Quyết định số 8699/QĐ-CT ngày 11/10/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã Kiêu Ky thống nhất quan điểm với người bị kiện. Đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2018/HC-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8699/QĐ-CT ngày 11/10/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện G. Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị T.

Ngày 07/11/2018, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 8699/QĐ-CT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố H nên xác định quyết định trên là đối tượng khởi kiện trong vụ án; quá trình xét xử, tòa cấp sơ thẩm đã xem xét cả các Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Kiêu Ky về việc cưỡng chế phá dỡ công trình; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 113/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Ủy ban nhân dân xã Kiêu Ky là có căn cứ; đảm bảo quy định tại Điều 30 Luật tổ tụng hành chính, điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 và khoản 1 Nghị quyết 01/2015 ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Ngày 22/12/2014, Ủy ban nhân dân xã Kiêu Ky ban hành Thông báo 328/TB-UBND về việc tháo dỡ lán trại chăn nuôi, di chuyển vật tư, vật nuôi trả lại mặt bằng thực hiện xây dựng sân thể thao thôn Chu Xá; Ngày 23/12/2014, tổ thanh tra xây dựng đã lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tháo dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm với diện tích 34,8m². Trên cơ sở đó, ngày 30/12/2014 Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng, bà T khiếu nại; ngày 02/8/2016 của Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 113/QĐ-UBND (lần 1). Bà T tiếp tục khiếu nại, ngày 11/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G ban hành Quyết định số 8699/QĐ-CT giải quyết khiếu nại (lần 2). Việc ban hành các quyết định nêu trên đảm bảo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo khoản 2 Điều 18 và khoản 1, 2 Điều 40 của Luật khiếu nại năm 2011 (Đối với nội dung vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại đã được nêu và rút kinh nghiệm tại Quyết định số 8699).

[2.2] Về nội dung kháng cáo:

Về nguồn gốc đất theo các tài liệu có trong hồ sơ thì mẹ đẻ bà T là bà Phạm Thị Ng mua thửa đất của ông Vũ H* nhưng chưa có xác nhận của chính quyền. Năm 2001, hai bên thực hiện chuyển quyền sử dụng 100m² đất ở có chứng nhận của UBND xã Kiêu Ky. Bà T sử dụng diện tích trên cho đến nay và thừa nhận hiện tại gia đình bà đang sử dụng diện tích hơn 200m². Theo hồ sơ kỹ thuật lập ngày 13/11/2015 thì gia đình bà T sử dụng 224,9 m² trong đó có 50m² thuộc quy hoạch mở rộng đường 179.

Theo sơ đồ xem xét thẩm định cũng như hiện trạng sử dụng đất cho thấy, phần công trình xây dựng bị cưỡng chế theo Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky nằm ngoài diện tích 175m² (Diện tích bị cưỡng chế 34,8m², Phía đông tiếp giáp phần đất xây nhà vi phạm năm 2011; Phía tây giáp vườn quả B do UBND xã quản lý; Phía nam giáp một phần đất sau nhà ông K và đất vườn quả B; Phía bắc giáp một phần đất sau nhà bà Bm và đất vườn quả B).

Bà T khai bà mua lại 10m² đất vườn quả B (Tại vị trí bị cưỡng chế) của ông Trương Đình Đn nhưng không có tài liệu chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai

ngày 02/11/2018 ông Đn khẳng định không có việc ông chuyển nhượng cho bà T 10m². Diện tích đất vườn quả B ông đang quản lý cũng là đang thuê lại của xã nên không được chuyển nhượng.

Quá trình sử dụng đất, gia đình bà T nhiều lần bị Thanh tra xây dựng huyện G và UBND xã Kiêu Ky lập biên bản vi phạm. Tại biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm do Đội thanh tra xây dựng lập vào các ngày 02/8/2014 và 23/12/2014, bà Nguyễn Thị T ký và ghi ý kiến vào các biên bản này nhưng không thừa nhận hành vi vi phạm.

Bà T xuất trình tài liệu thể hiện bà Phạm Thị Ng (mẹ đẻ bà T) mới là người xây dựng công trình lán chắn nuôi bị cưỡng chế. Tuy nhiên, bà Ng trình bày công trình xây dựng lán chắn nuôi bị cưỡng chế là do bà T xây, bà Ng không có liên quan gì; nội dung trình bày trên của bà Ng cũng phù hợp với lời khai của ông Đinh Văn Ci - trưởng thôn Chu Xá và các hộ liền kề với gia đình bà Nguyễn Thị T.

Đối chiếu các tài liệu có tại hồ sơ thì diện tích bị xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế không thuộc phạm vi diện tích đất mà bà T được quyền sử dụng hợp pháp; Xuất phát từ hành vi vi phạm của bà T như đã nêu trên, UBND xã Kiêu Ky đã thông báo bằng văn bản yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị T tháo dỡ lán trại chăn nuôi sau đó mới lập biên bản vi phạm hành chính và tiếp tục yêu cầu bà Nguyễn Thị T tự phá dỡ công trình xây dựng diện tích 34,8m². Do bà T không chấp hành nên chủ tịch UBND xã Kiêu Ky ban hành Quyết định số 150 ngày 30/12/2014 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Trên cơ sở đó, Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Chủ tịch UBND xã Kiêu Ky và Quyết định giải quyết khiếu nại số 8699/QĐ-CT ngày 11/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị T:

Bà T yêu cầu UBND xã Kiều Ky bồi thường thiệt hại cho bà do việc cưỡng chế trái pháp luật gây ra. Toàn bộ số tài sản bà T yêu cầu bồi thường phù hợp với biên bản cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng ngày 08/01/2015 của UBND xã Kiều Ky.

Ngoài ra bà T còn yêu cầu UBND xã phải bồi thường thiệt hại do đào xức nứt nhà là 10.000.000 đồng; Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị UBND xã thu hồi không đi vào hoạt động sản xuất được là 20.000.000 đồng; Bồi thường về tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng; Bồi thường về danh dự, nhân phẩm uy tín của gia đình là 10.000.000 đồng (Tổ chức cưỡng chế đúng ngày con bà tổ chức đại lễ) và tiền công đi lại, chi phí khởi kiện là 20.000.000đ. Tổng số tiền bà T yêu cầu bồi thường do bà T tự định giá là 159.774.700 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm đồng).

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-UBND về việc cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng của bà Nguyễn Thị T, ngày 06/01/2015 UBND xã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng; Ngày 06/01/2015, Bà T đã nhận được Thông báo số 01/TB-UBND ngày 06/01/2015 của UBND xã Kiều Ky về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng vào 08 giờ 30 phút ngày 08/01/2015. Như vậy, quá trình thực hiện cưỡng chế, UBND xã Kiều Ky đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật tại các điều 12, 17, 24, 25 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Bà T trình bày bà có xin với xã không thực hiện cưỡng chế vào ngày 08/01/2015 vì đó là ngày đại lễ của con bà. Tuy nhiên theo xác nhận của trưởng thôn Chu Xá và các hộ dân liền kề nhà bà T thì ngày 08/01/2015 gia đình bà không có đại lễ.

Sau khi thực hiện việc cưỡng chế, chiều ngày 08/01/2015, UBND xã Kiều Ky ban hành Thông báo số 08/TB-UBND về việc xử lý tang vật tạm giữ khi thực hiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng. Thông báo gửi cho gia đình bà T nhưng gia đình không nhận, UBND xã đã giao Thông báo cho Ông Đinh Văn Cì trưởng thôn Chu Xá để thông báo trên loa truyền thanh. Đến ngày 17/01/2017 bà T mới gửi đơn đến UBND xã Kiều Ky yêu cầu nhận lại tài sản.

Tóm lại, việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đã được thực hiện đúng quy định, bà T đã được thông báo nhưng không tự tháo dỡ lán trại chăn nuôi, di chuyển vật tư, vật nuôi trả lại mặt bằng là lỗi của bà T nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 173/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 208 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8699/QĐ-CT ngày 11/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G. Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính phúc thẩm. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006249 ngày 22/01/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NTTX